TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS - ST
Ngày: 25 – 02 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiếu;

2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: ÔngVăn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2014/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2014/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-MLPT ngày 14/02/2020, giữa các đường sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huỳnh Kim Y, sinh năm 1979, địa chỉ: Số 12, lô 12, khóm 8, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang.

Đồng bị đơn: Bà Chung Thị Ngọc D, sinh năm 1985 và ông Nguyễn Anh D1, sinh năm 1985; địa chỉ: số 97 Nguyễn Hữu C, khóm 6, phường Châu A, thành phố C, tỉnh An Giang. Người đại diện hợp pháp của bà Chung Thị Ngọc D: Có bà Trần Thị Liên H, sinh năm 1957, nơi cư trú: 43 Quang T, tổ 12, khóm Q, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 866 Quyển số 02TP/SCC/HPGD do Văn phòng Công chứng số 2 tỉnh An Giang lập ngày 27/8/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Kim Y trình bày: Do có quen biết với vợ chồng D, D1; Chung Thị D buôn bán thức ăn nhanh và chồng là Nguyễn Anh D1 công tác tại Trạm y tế phường B. Ngày 27/10/2018 vợ chồng D và D1 có hỏi vay của Y số tiền là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, mục đích vay là do D mua thuốc tây và nước biển bán lại, lãi suất hai bên thỏa thuận là mỗi tháng là 1.000.000 (một triệu) đồng, khi vay có hẹn vài tháng hoàn trả lại vốn. D1, D không có thế chấp hoặc cầm cố gì cho Y, chỉ ký biên nhận nợ. Sau khi vay, D trực tiếp trả tiền lãi cho Y được 3 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng. Đến ngày 14/01/2019 bà D tiếp tục hỏi vay thêm số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, lần này D trực tiếp nhận tiền và kỷ tên nhận nợ, mục đích vay để buôn bán thức ăn nhanh. Sau khi vay, D1 trả lãi được 10 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng. Tổng tiền lãi Y nhận của D là 65.000.000 đồng. Cả 02 khoản vay này chỉ đóng lãi đến ngày 24/03/2019 thì ngưng không trả vốn và lãi đến nay.

Nay Bà yêu cầu vợ chồng bà D và ông D1 hoản trả lại cho bà số nợ vốn là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Liên H đại điện ủy quyền cho bị đơn bà Chung Thị Ngọc D trình bày: Thừa nhận bà D1 và ông D1 có vay và còn nợ bà Y số tiền vốn là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng. Hiện tại D và D1 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, mất khả năng thanh toán nợ cho bà Y. Số tiền lãi D và D1 trả cho bà Y cao, tuy nhiên không yêu cầu điều chỉnh lãi đã trả. Yêu cầu cho D trả mỗi tháng trả 5.000.000 (năm triệu) đồng đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa,

- Bà H yêu cầu bà Y chấp nhận cho bà D trả số tiền 75.000.000 đồng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi đứt nợ, bắt đầu trả từ tháng sau.

- Bà Y chấp nhận cho bà D trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 75.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 25/3/2020.

* Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

1.1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định lại các Điều 26, 39, 68, 97, 98, 195, 196, 203 BLTTDS năm 2015.

1.2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn Nguyễn Huỳnh Kim Y, bị đơn Chung Thị Ngọc D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Anh D1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia hòa giải và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xem như tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay ông D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vùng mặt ông D1 là đảm bảo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án

Ngày 12/6/2019 bà Nguyễn Huỳnh Kim Y khởi kiện yêu cầu bà Chung Thị Ngọc D và ông Nguyễn Anh D1 liên đới trả đối với các khoản nợ vay: cụ thể, ngày 27/10/2018 vay 25.000.000 đồng, ngày 14/01/2019 vay 50.000.000 đồng, tổng cộng 75.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Kèm theo đơn khởi kiện là tài liệu, chứng cứ giấy mượn tiền ngày 27/10/2018, 25.000.000 đồng có chữ ký của bà D, ông D1; giấy mượn tiền ngày 14/01/2019, 50.000.000 đồng có chữ ký của bà D.

Bị đơn bà Chung Thị Ngọc D thừa nhận các khoản nợ nêu trên, riêng bị đơn Nguyễn Anh D1 chưa làm việc được.

Xét thấy việc thỏa thuận vay nợ giữa các bên được xác lập tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội và có lập biên nhận nợ nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Tại phiên tòa bà Chung Thị Ngọc D và bà Nguyễn Huỳnh Kim Y đã thống nhất với nhau về tổng số tiền nợ là 75.000.000 đồng, và phương thức trả mỗi tháng 5.000.000 đồng. Bên cạnh đó, bà Y cũng đồng ý việc để bà D trả thay ông D1 đối với số tiền nợ 25.000.000 đồng mà bà D và ông D1 cùng ký nhận.

Từ những nhận định trên căn cứ Điều 463, 466 BLDS, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

* *Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền*: Bị đơn bà Chung Thị Ngọc D, ông Nguyễn Anh D1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại số 97 Nguyễn Hữu C, khóm 6, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố

Châu Đốc thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Theo trình bày của bà Y hợp đồng vay tài sản được xác lập vào ngày 27/10/2018 và ngày 14/01/2018. Đến ngày 12/6/2019, bà Y nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Về khoản nợ vay và tiền lãi:

Bà Nguyễn Huỳnh Kim Y khởi kiện yêu cầu bà Chung Thị Ngọc D, ông Nguyễn Anh D1 trả nợ vay tổng cộng là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi, thể hiện qua lời trình bày của các đương sự và các biên nhận nợ.

Bà Chung Thị Ngọc D xác nhận có vay tiền của bà Y nhiều lần từ cuối năm 2018 cho đến đầu năm 2019 cho đến nay, còn nợ lại bà Y số tiền 75.000.000 đồng. Nay bà Y yêu cầu bà trả số tiền này bà cũng đồng ý trả, nhưng do hoàn cảnh của bà hiện đang gặp khó khăn nên xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, riêng phần lãi đã trả bà không yêu cầu điều chỉnh lại và yêu cầu không tiếp tục trả lãi nữa. Xét thấy, việc thỏa thuận vay nợ giữa các bên được xác lập tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội và có lập biên nhận nợ nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Về vốn gốc, bà Y và bà D thống nhất số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng. Ông D1, bà D Vay tiền của bà Y nhưng không thực hiện trả vốn cho bà Y khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó bà Y yêu cầu bà D, ông D trả vốn gốc 75.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về phần lãi, bà Y xác định có nhận tiền lãi của bà D tổng cộng 65.000.000 đồng là cao so với quy định pháp luật. Tuy nhiên bà D không yêu cầu điều chỉnh tiền lãi đã trả cho bà D. Do đó không đề cập giải quyết.

[4] Về trách nhiệm trả nợ và phương thức thanh toán: Tại phiên tòa, bà Y và bà H (đại diện theo ủy quyền của bà D) thống nhất bà D có trách nhiệm trả cho bà Y số tiền 75.000.000 đồng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho cho đến khi dứt nợ, bắt đầu trả từ ngày 25/3/2020. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, nên công nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Bà Chung Thị Ngọc D tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Huỳnh Kim Y được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 46, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Huỳnh Kim Y.

Buộc bà Chung Thị Ngọc D có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Huỳnh Kim Y số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả từ ngày 25/3/2020.

[2] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Bà Chung Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.750.000 *(ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn)* đồng.

- Bà Nguyễn Huỳnh Kim Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 1.875.000 *(một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/0003243 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Châu Đốc.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bà Y, bà D có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông D1 là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).